

GIAO TIẾP SỰ PHẠM

MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

- Trình bày được khái niệm, đặc trưng, chức năng, vai trò, các phương tiện của giao tiếp sư phạm (GTSP);
- Trình bày được các nguyên tắc và phong cách GTSP;
- Nắm được quy trình xử lý các tình huống GTSP.

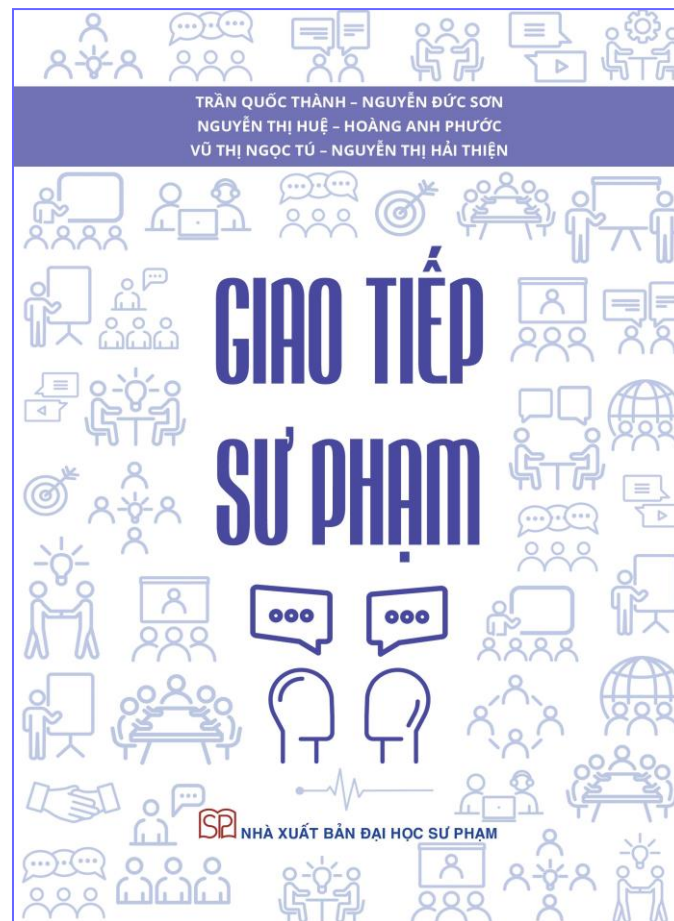
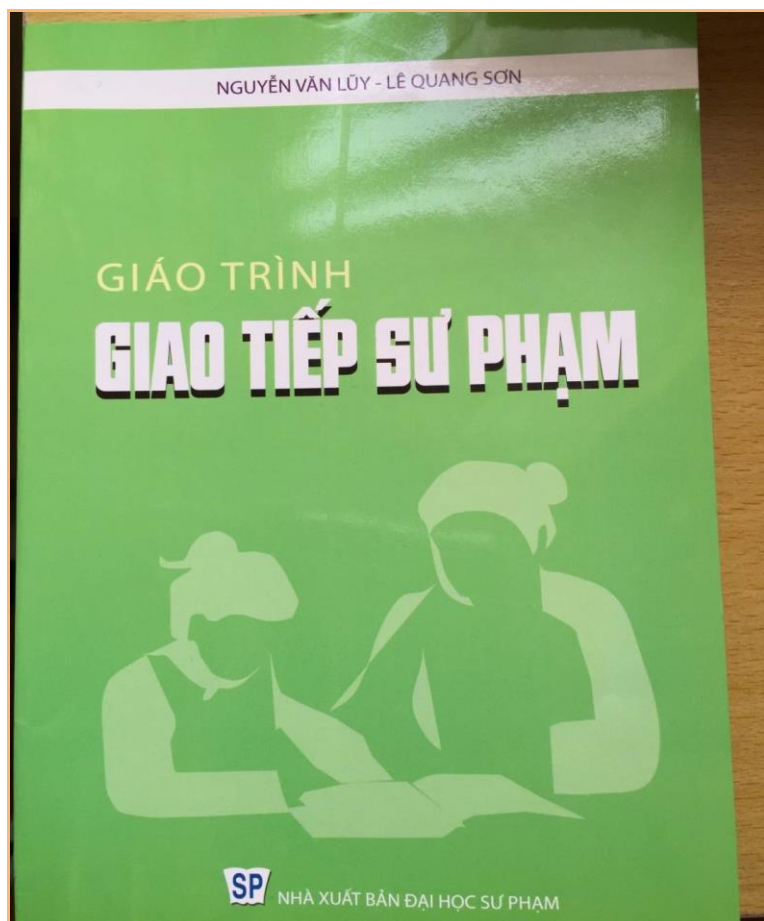
2. Về kỹ năng: Vận dụng được các nguyên tắc và phong cách GTSP để xử lý tốt các tình huống GTSP trong thực tế dạy học và giáo dục.

3. Về thái độ: Có ý thức rèn luyện phẩm chất, năng lực đáp ứng yêu cầu của lao động sư phạm; tích cực bồi dưỡng, nâng cao kỹ năng GTSP của bản thân.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. *Nguyễn Văn Lũy, Lê Quang Sơn* (2014). **Giáo trình Giao tiếp sư phạm**. NXB Đại học Sư phạm.
2. *Trần Quốc Thành, Nguyễn Đức Sơn, Nguyễn Thị Huệ, Hoàng Anh Phước, Vũ Thị Ngọc Tú, Nguyễn Thị Hải Thiện* (2021), **Giao tiếp sư phạm**, NXB Đại học Sư phạm.
3. *Nguyễn Thị Thanh Bình, Vũ Thị Ngọc Tú* (2018), **Giao tiếp sư phạm**, NXB Đại học Sư phạm
4. *Ngô Công Hoàn, Hoàng Anh* (1999). **Giao tiếp sư phạm**. NXB Giáo dục.
5. *Hoàng Anh, Đỗ Thị Châu* (2005). 300 tình huống giao tiếp sư phạm. NXB Giáo dục.
6. *Đỗ Thị Châu* (chủ biên) (2005). Tình huống tâm lí học lứa tuổi và tâm lí học sư phạm. NXB Giáo dục.

Tài liệu tham khảo chính



CHƯƠNG 1

KHÁI QUÁT VỀ GIAO TIẾP SỰ PHẠM

NỘI DUNG CHÍNH



Khái niệm

Đặc trưng

Chức năng

Vai trò

Phương tiện

1. KHÁI NIỆM GIAO TIẾP SƯ PHẠM

- **Theo nghĩa rộng:** Là quá trình tiếp xúc tâm lý, trong đó diễn ra sự trao đổi thông tin, cảm xúc, nhận thức và tác động qua lại lẫn nhau nhằm thiết lập nên các mối quan hệ giữa nhà giáo dục (giáo viên) với đối tượng giáo dục (người học), giữa nhà giáo dục với các lực lượng giáo dục (phụ huynh, đoàn thanh niên...); giữa các nhà giáo dục với nhau để thực hiện mục đích giáo dục.

→ ***Chủ thể giao tiếp:*** nhà giáo dục (giáo viên)

Khách thể giao tiếp: người học, đồng nghiệp và các lực lượng giáo dục khác.

1. KHÁI NIỆM GIAO TIẾP SƯ PHẠM

- **Theo nghĩa hẹp:** Là sự tiếp xúc tâm lý giữa người dạy và người học nhằm truyền đạt và lĩnh hội những tri thức khoa học, vốn sống, vốn kinh nghiệm, kỹ năng, kỹ xảo nghề nghiệp...để xây dựng, phát triển toàn diện nhân cách của người học.

GIAO TIẾP SỰ PHẠM

Nghĩa rộng

Là quá trình trao đổi thông tin, cảm xúc, nhận thức và tác động qua lại lẫn nhau nhằm thiết lập nên các mối quan hệ giữa NGD với ĐTGD, giữa NGD với các lực lượng giáo dục, giữa các NGD với nhau để thực hiện mục đích giáo dục.

3 MQH

NGD- ĐTGD

NGD -LLGD

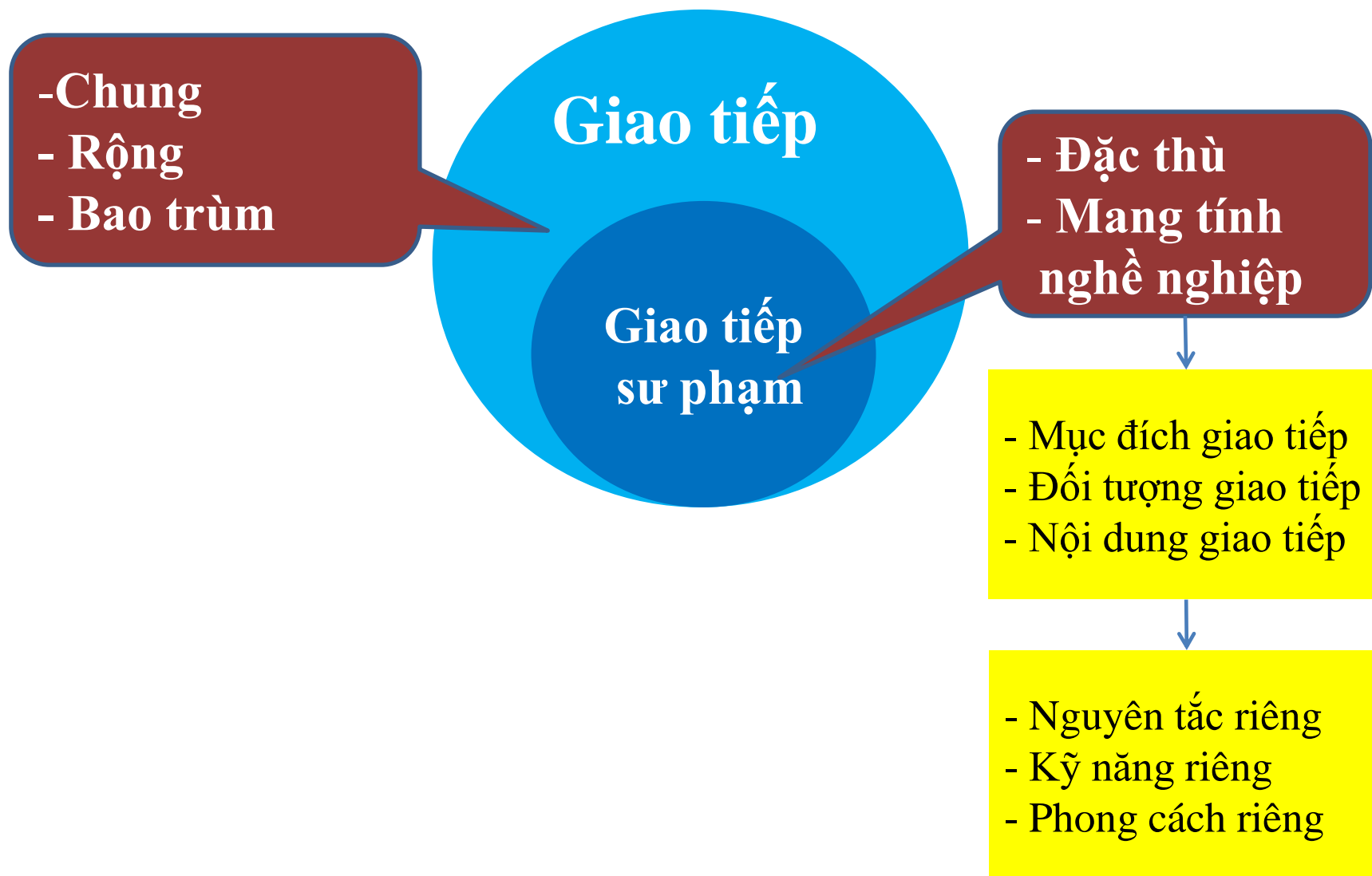
NGD - NGD

Nghĩa hẹp

Là sự tiếp xúc tâm lý giữa nhà giáo dục và đối tượng giáo dục nhằm truyền đạt và lĩnh hội những tri thức khoa học, vốn sống, vốn kinh nghiệm; kỹ năng, kỹ xảo nghề nghiệp...để xây dựng và phát triển toàn diện nhân cách của đối tượng giáo dục.

1 MQH

NGD - ĐTGD



2. ĐẶC TRƯNG CỦA GTSP

- *Mục đích*: hình thành, phát triển nhân cách cho người học.
- *Nội dung*: gồm nội dung công việc (thuộc hoạt động dạy học và giáo dục) và nội dung tâm lý (sự hiểu biết, cảm xúc, hành vi).
- *Con đường thực hiện*: Nhà GD không chỉ giao tiếp với đối tượng GD thông qua việc tổ chức các hoạt động trên lớp và ngoài giờ lên lớp mà còn thông qua nhân cách của chính mình → nhà GD phải luôn trau dồi nhân cách.
- *Biện pháp*: nhà GD chủ yếu dùng các biện pháp giáo dục tình cảm để giải thích, động viên, thuyết phục đối tượng GD thực hiện mục đích giáo dục.
- *Tính chất*: chính thức, chuẩn mực.
- *Điều kiện xã hội*: (1) Nhà nước và xã hội tôn trọng giáo viên; (2) Truyền thống tôn sư trọng đạo được pháp luật và đạo lý đảm bảo.

3. CHỨC NĂNG CỦA GIAO TIẾP SỰ PHẠM

- Trao đổi thông tin;
- Hiểu biết lẫn nhau;
- Đánh giá lẫn nhau;
- Ảnh hưởng lẫn nhau;
- Điều khiển hoạt động nhóm.

4. VAI TRÒ CỦA GIAO TIẾP SƯ PHẠM

4.1. Với hoạt động sư phạm

- Là phương tiện, điều kiện giúp giáo viên tổ chức các mối quan hệ qua lại giữa thầy và trò, trên cơ sở đó, thực hiện thành công hoạt động dạy học và giáo dục học sinh;

- Qua GTSP, có thể kết hợp được sức mạnh của các lực lượng giáo dục khác để giáo dục nhân cách cho học sinh.

→ GTSP không chỉ là công cụ, phương tiện, điều kiện, tác động sư phạm mà còn là một bộ phận cấu thành nên hoạt động sư phạm. Quan trọng hơn, thông qua việc thực hiện GTSP, nhân cách của con người tham gia vào hoạt động sư phạm đó ngày càng hoàn thiện và phát triển.

4. VAI TRÒ CỦA GIAO TIẾP SỰ PHẠM

4.2. Với người học

+ Là con đường để lĩnh hội kiến thức khoa học, các quy tắc đạo đức, chuẩn mực xã hội để hình thành tâm lý, phát triển nhân cách.

+ Là con đường để hình thành và phát triển khả năng tự ý thức, tự đánh giá và các phẩm chất nhân cách (thông qua việc tự nhận thức về mình, tự đối chiếu và so sánh mình với người khác, với các chuẩn mực xã hội...để tự điều chỉnh và hoàn thiện mình).

4.3. Với giáo viên: Là cách thức quan trọng để tiếp thu kinh nghiệm từ người khác, trau dồi thêm kiến thức chuyên môn và rèn luyện các phẩm chất đạo đức (đặc biệt là các phẩm chất đạo đức nghề nghiệp).

5. PHƯƠNG TIỆN GIAO TIẾP SỬ DỤNG PHẠM



5. PHƯƠNG TIỆN GIAO TIẾP SỰ PHẠM

5.1. Ngôn ngữ

- *Ngôn ngữ nói*: là dạng ngôn ngữ bên ngoài, tồn tại dưới dạng vật chất là âm thanh, được tiếp nhận bằng cơ quan phân tích thính giác (gồm đối thoại và độc thoại)

- *Ngôn ngữ viết*: là dạng ngôn ngữ bên ngoài, tồn tại dưới dạng vật chất là hình ảnh (kí hiệu chữ viết), được tiếp nhận bằng cơ quan phân tích thị giác.

5. 2. PHƯƠNG TIỆN PHI NGÔN NGỮ

5.2.1. Các phương tiện cận ngôn ngữ

- Những tín hiệu ngôn thanh định tính (âm lượng, độ cao của lời nói)
- Những tín hiệu ngôn thanh định phẩm (thể hiện thái độ của con người)
- Những tín hiệu ngôn thanh lấp đầy (à, ờ, rằng, mà...).
- Sự im lặng (thể hiện thái độ)

5.2. PHƯƠNG TIỆN PHI NGÔN NGỮ

5.2.2. Các phương tiện ngoại ngôn ngữ

Ngôn ngữ cơ thể	Ngôn ngữ vật thể	Ngôn ngữ môi trường
<ul style="list-style-type: none">+ Những biểu tượng+ Những minh họa+ Những biểu cảm+ Sự điều chỉnh+ Sự thích nghi+ Việc đi đứng+ Tư thế ngồi+ Hành vi đụng chạm.....	<ul style="list-style-type: none">+ Trang phục, nước hoa, phụ kiện...+ Quà tặng, hoa...	<ul style="list-style-type: none">+ Không gian+ Địa điểm+ Khoảng cách+ Thời gian, ánh sáng, nhiệt độ, âm thanh, âm nhạc...

CHƯƠNG 2

NGUYÊN TẮC VÀ PHONG CÁCH GIAO TIẾP SỬ PHẠM

NỘI DUNG CHÍNH

1

- Nguyên tắc giao tiếp sư phạm

2

- Phong cách giao tiếp sư phạm

1. NGUYÊN TẮC GIAO TIẾP SỰ PHẠM

1.1. Khái niệm

- *Nguyên tắc*: là hệ thống những chuẩn mực, quy định có tác dụng chỉ đạo, định hướng suy nghĩ và hành động của con người.

- *Nguyên tắc GTSP*: là hệ thống những quan điểm có tác dụng chỉ đạo, định hướng thái độ và hành vi ứng xử của chủ thể giao tiếp, cũng như việc lựa chọn các phương pháp, phương tiện giao tiếp trong hoạt động sự phạm.

1.2. CÁC NGUYÊN TẮC GIAO TIẾP SỰ PHẠM



Đảm bảo tính mô phạm



Tôn trọng nhân cách của học sinh



Có niềm tin đối với học sinh

Sympathize

Đồng cảm với học sinh

1.2. NGUYÊN TẮC GIAO TIẾP SƯ PHẠM

1.2.1. Nguyên tắc đảm bảo tính mô phạm

* *Bản chất của nguyên tắc*: đảm bảo sự mẫu mực trong nhân cách của người thầy giáo.

* *Cơ sở đề ra nguyên tắc*: xuất phát từ đặc điểm nghề dạy học, yêu cầu đối với người thầy giáo trong hoạt động sư phạm nói chung.

* *Biểu hiện*:

- *Nhận thức*: hiểu được vị trí, vai trò, trách nhiệm của mình trong việc giáo dục thế hệ trẻ, đặc biệt là tầm ảnh hưởng của nhân cách mình tới nhân cách trẻ như thế nào.

- *Thái độ*: yêu thương, tôn trọng học sinh, mong học sinh tiến bộ.

- *Hành vi*: mẫu mực trong trang phục, ngôn ngữ, trong hành vi ứng xử với học sinh, đồng nghiệp và những người xung quanh.

NGUYÊN TẮC GIAO TIẾP SỰ PHẠM

1.2.2. Nguyên tắc tôn trọng nhân cách của học sinh

- Luôn tôn trọng tất cả các quyền con người của học sinh (quyền học tập, vui chơi, lao động...);
- Không có lời nói hay hành động xúc phạm đến thân thể, danh dự của học sinh; không áp đặt suy nghĩ của mình cho học sinh, tạo điều kiện cho học sinh được bộc lộ nhận thức hay thái độ của bản thân; sẵn sàng lắng nghe ý kiến của học sinh.;
- Đối xử công bằng với mọi học sinh, tạo cho các em môi trường học tập và sinh hoạt bình đẳng;
- Quan tâm, tìm hiểu đặc điểm riêng của từng học sinh và hoàn cảnh sống của các em;
- Đặt ra yêu cầu cao đối với học sinh và giúp đỡ học sinh để các em có thể thực hiện được các yêu cầu đó.

NGUYÊN TẮC GIAO TIẾP SƯ PHẠM

1.2.3. Nguyên tắc có niềm tin đối với học sinh

- Tin tưởng vào năng lực và phẩm chất của học sinh, luôn khẳng định cái đúng, ưu điểm, nét tích cực của học sinh để các em hiểu và phát huy được điểm mạnh của bản thân.

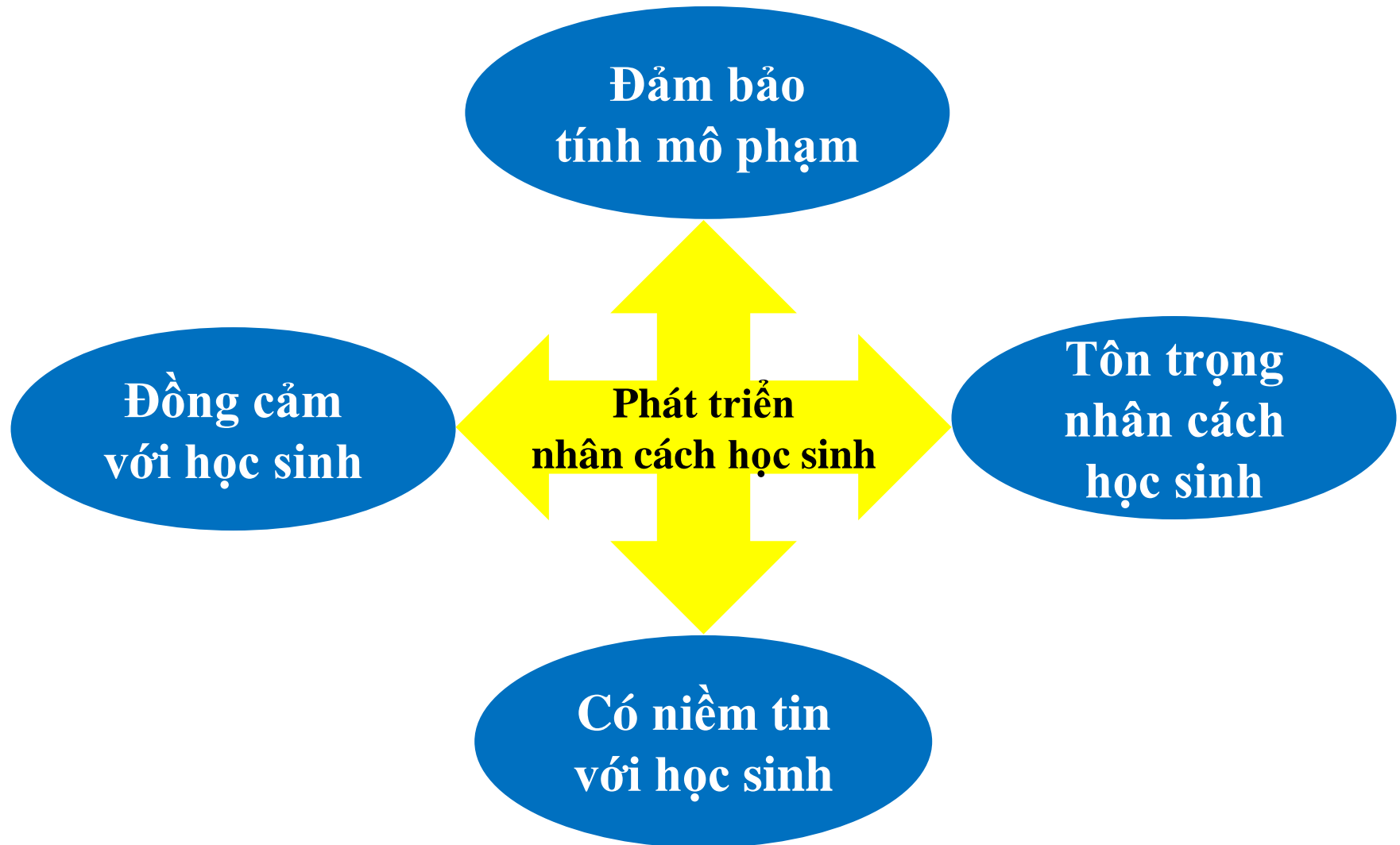
- Trong trường hợp học sinh tạm thời mắc lỗi, người giáo viên vẫn cần đánh giá em học sinh đó theo chiều hướng phát triển (tạm ứng niềm tin). Tránh đánh giá theo kiểu quy chụp và định kiến.

NGUYÊN TẮC GIAO TIẾP SƯ PHẠM

1.2.4. Nguyên tắc đồng cảm với học sinh

Người giáo viên biết đặt vị trí của mình vào vị trí của học sinh để hiểu được những suy nghĩ, băn khoăn của các em để từ đó lựa chọn những cách thức giao tiếp cho phù hợp.

NGUYÊN TẮC GIAO TIẾP SƯ PHẠM



2. PHONG CÁCH GIAO TIẾP SƯ PHẠM

2.1. Khái niệm phong cách giao tiếp sư phạm

- *Phong cách*: là cung cách sinh hoạt, làm việc, ứng xử...tạo nên dấu ấn riêng của một cá nhân hay một nhóm người nào đó.

- *Phong cách GTSP* là phương thức ứng xử, hành động tương đối ổn định và bền vững của giáo viên trong quá trình giao tiếp với học sinh.

PHONG CÁCH GIAO TIẾP SỰ PHẠM

→ Phong cách GTSP:

- Thể hiện ở 2 phần: (1) **Phần tương đối ổn định**, bền vững của cá nhân; (2) **Phần chịu ảnh hưởng của nghề nghiệp, hoàn cảnh sống ...** (phần tương đối ổn định và bền vững của cá nhân sẽ quy định sự khác biệt giữa cá nhân này với cá nhân khác).

- Phản ánh nguyên tắc, mục đích, nội dung GTSP.

2.2. CÁC LOẠI PHONG CÁCH GTSP



Phong cách dân chủ



Phong cách độc đoán



Phong cách tự do

2.2. PHONG CÁCH GIAO TIẾP SƯ PHẠM

2.2.1. Phong cách giao tiếp sư phạm dân chủ

- Tôn trọng những đặc điểm, kinh nghiệm cá nhân, nhu cầu, hứng thú riêng...của học sinh; nhờ đó, dự đoán được những phản ứng hành động của các em để có cách ứng xử phù hợp.
- Lắng nghe ý kiến, nguyện vọng của học sinh, đáp ứng kịp thời và có lời giải thích rõ ràng cho những nguyện vọng của học sinh;
- Gần gũi với học sinh, tạo sự tin tưởng ở các em.
- Tuy nhiên, không chiều theo mọi ý thích của học sinh mà vẫn đặt ra những yêu cầu cụ thể về việc thực hiện các nhiệm vụ học tập, rèn luyện cho các em.

2.2. CÁC LOẠI PHONG CÁCH GTSP



2.2.2. Phong cách giao tiếp sư phạm độc đoán

- Giáo viên coi thường, xem nhẹ những đặc điểm riêng của học sinh, luôn đặt mục đích giao tiếp xuất phát từ mục đích công việc một cách cứng nhắc.

- Vì không tính đến những đặc điểm riêng nên giáo viên thường đặt ra các yêu cầu quá cao, khiến học sinh phải luôn cố gắng, dẫn đến việc thực hiện các yêu cầu một cách hình thức, chống đối.

- *Ưu điểm:* Hoàn thành công việc đúng thời hạn, tiến độ.

- *Nhược điểm:*

- + Việc ứng xử khó đảm bảo sự hợp tình hợp lý, dẫn đến khoảng cách thầy trò ngày càng xa.

- + Học sinh thường chệnh mảng trong công việc, nói dối và sợ giáo viên (người giáo viên chỉ có uy tín giả hiệu).

PHONG CÁCH GIAO TIẾP SỰ PHẠM

2.2.3. Phong cách giao tiếp sự phạm tự do

- Giáo viên dễ thay đổi mục đích và nội dung giao tiếp khi hoàn cảnh giao tiếp hoặc đối tượng giao tiếp thay đổi.
- Giáo viên khó kiểm soát được cảm xúc, diễn biến tâm lý của mình; dễ tỏ ra đồng cảm quá mức trước vấn đề của học sinh.
- Mục đích giao tiếp thường không rõ ràng, nội dung giao tiếp không phân định. Phạm vi giao tiếp rộng nhưng lại kém sâu sắc, bền vững.

PHONG CÁCH GIAO TIẾP SƯ PHẠM

** Kết luận:*

+ Mỗi loại phong cách GTSP đều có những ưu điểm và hạn chế riêng.

+ Tùy vào mục đích, nội dung, phương tiện giao tiếp, tính chất mối quan hệ giữa các thành viên trong tập thể...mà người giáo viên lựa chọn, thể hiện phong cách GTSP cho phù hợp.

Những đặc điểm trong phong cách GTSP mà người giáo viên nên có

- 1- Mầu mực mà không cứng nhắc;
- 2- Ung dung, đĩnh đạc mà không quá nghiêm trang;
- 3- Tự tin mà không tự cao, tự đại;
- 4- Tự nhiên mà không suồng sã;
- 5- Giản dị mà không luộm thuộm;
- 6- Lịch sự mà không cầu kỳ;
- 7- Tế nhị mà không xã giao, khách sáo.

CHƯƠNG 3

KĨ NĂNG GIAO TIẾP SỰ PHẠM

3. Các kĩ năng GTSP

3.1. KN gây ấn tượng ban đầu

3.2. KN lắng nghe

3.3. KN thuyết trình

3.4. KN kiểm soát cảm xúc

3.5. KN thuyết phục

3.6. KN điều khiển, điều chỉnh

3.1. *Kĩ năng gây ấn tượng ban đầu*



Là hình ảnh tâm lí tổng thể về đặc điểm trang phục, diện mạo, lời nói, cử chỉ, tác phong, trình độ, phong cách, cũng như một số nét tính cách...mà giáo viên tạo ra trong lần đầu tiên giao tiếp với học sinh.

Thành phần

- **TP cảm tính**
- **TP cảm xúc**
- **TP logic**

Vai trò

- + Là “cửa ngõ” của QTGT
- + Là “hướng dẫn viên” của QTGT

3.1. Kỹ năng gây ấn tượng ban đầu

Những điều nên thực hiện

1. Giới thiệu ngắn gọn về bản thân để học sinh có những thông tin ban đầu về giáo viên.
2. Trang phục, nước hoa, đồ trang sức... lịch sự, phù hợp với tính cách, dáng vẻ của bản thân, với môi trường sư phạm.
3. Nét mặt, ánh mắt nên vui tươi, niềm nở; thể hiện được thần sắc trong quá trình giao tiếp.
4. Khéo léo sử dụng kết hợp ngôn ngữ và cử chỉ, điệu bộ.
5. Thái độ bình tĩnh, tự tin.
6. Trò chuyện với học sinh một cách tự nhiên, cởi mở, chân tình (không quá trịnh trọng nhưng cũng không suồng sã, thân mật thái quá).
7. Cần có sự hiểu biết nhất định về học sinh (tên, tuổi, tính cách, sở trường, hoàn cảnh gia đình...).
8. Lắng nghe trước, nói và hành động sau.
9. Ghi nhớ nhanh những thông tin cơ bản, cố gắng nhớ tên, tuổi, một vài đặc điểm nổi bật của học sinh, nhắc tên học sinh trong quá trình giao tiếp.

3.2. Kỹ năng lắng nghe



a. Khái niệm

Sự vận dụng kiến thức, kinh nghiệm




Quan sát



Chú ý cao độ



Thể hiện TĐ tôn trọng

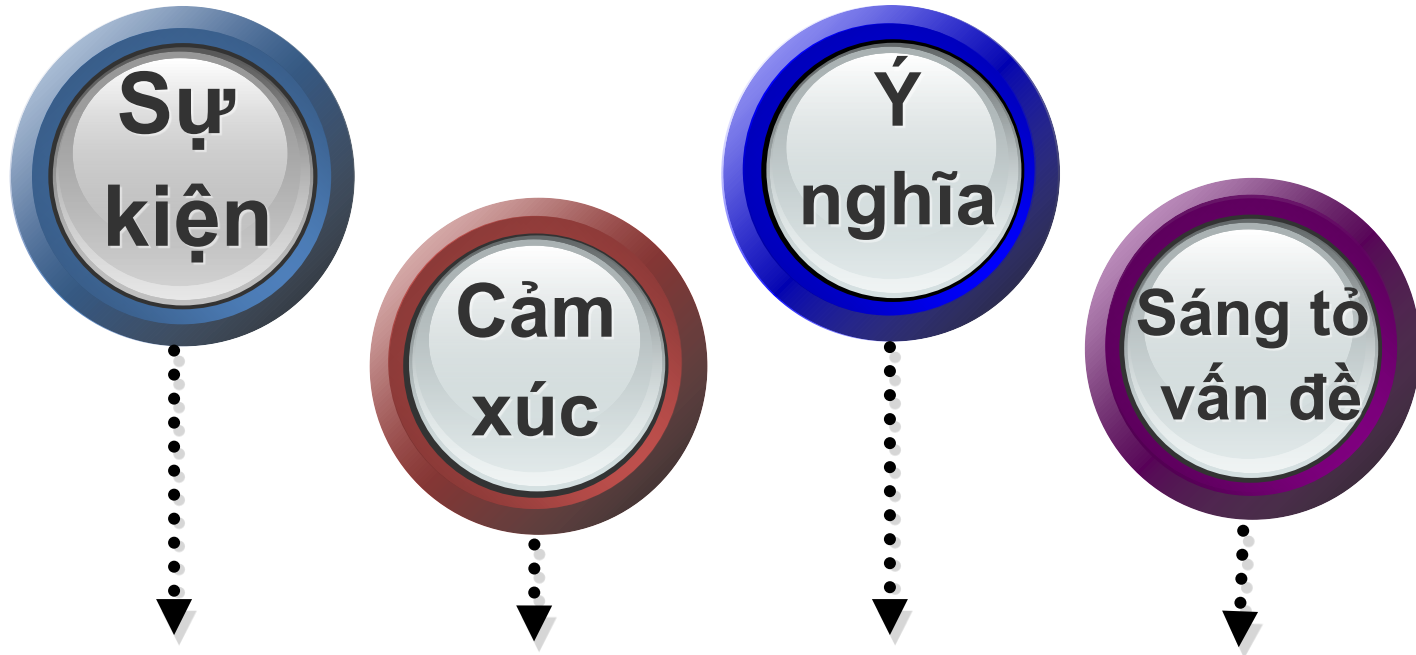


**Hiểu vấn đề,
cảm xúc, suy nghĩ
của người nói;
giúp họ biết mình
đang được quan
tâm, chia sẻ.**

b. Biểu hiện



b1. PHẢN HỒI



Phản hồi

Đưa ra những tín hiệu (ngôn ngữ hoặc phi ngôn ngữ) sao cho nhận được sự xác nhận của học sinh rằng mình đã hiểu rõ hoặc cảm nhận rõ vấn đề các em chia sẻ.

CÁC LOẠI PHẢN HỒI

Dùng từ ngữ của mình nhắc lại sự kiện, thông tin mà học sinh chia sẻ

Dùng từ ngữ của mình nhắc lại cảm xúc mà học sinh đang phải trải qua



Dùng từ ngữ của mình để khái quát ý nghĩa của vấn đề đối với h.sinh

Kĩ thuật phản hồi

Phản hồi bằng lời



Sử dụng lời nói để phản hồi sao cho phù hợp với vấn đề mà học sinh chia sẻ

Phản hồi bằng tín hiệu phi ngôn ngữ



Sử dụng các tín hiệu phi ngôn ngữ để phản hồi (gật đầu, ánh mắt khuyến khích...)

Lưu ý khi phản hồi cảm xúc



NÊN

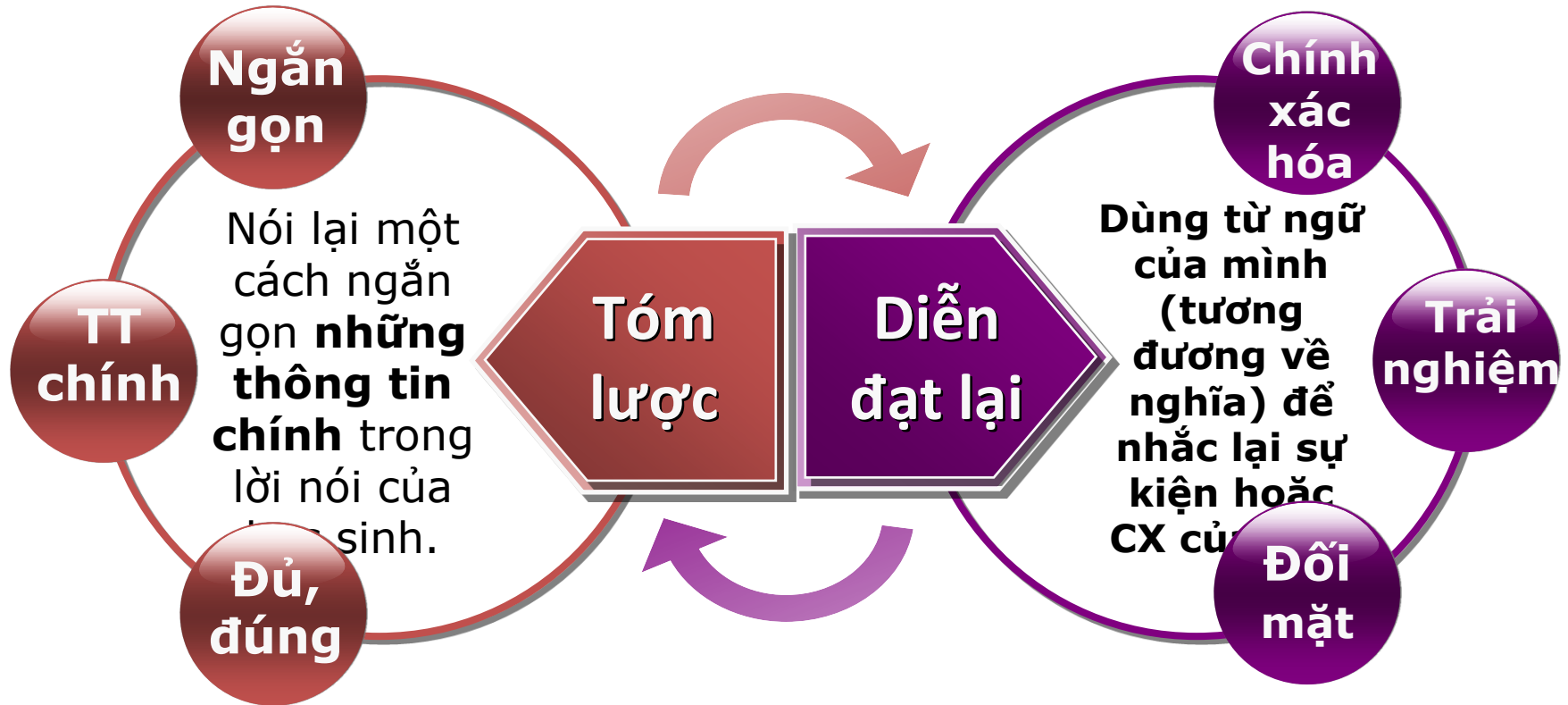
- Sử dụng từ ngữ gần nghĩa/đồng nghĩa để diễn đạt lại chính xác, ngắn gọn những điều học sinh trình bày.
- Diễn đạt lại những thông tin mà học sinh chia sẻ.
- Đôi lúc, có thể sử dụng câu hỏi như một cách phản hồi.

KHÔNG NÊN



- Phê phán, bác bỏ hay bỏ qua những suy nghĩ, cảm xúc của học sinh.
- Phản hồi theo suy diễn, phỏng đoán chủ quan của giáo viên.

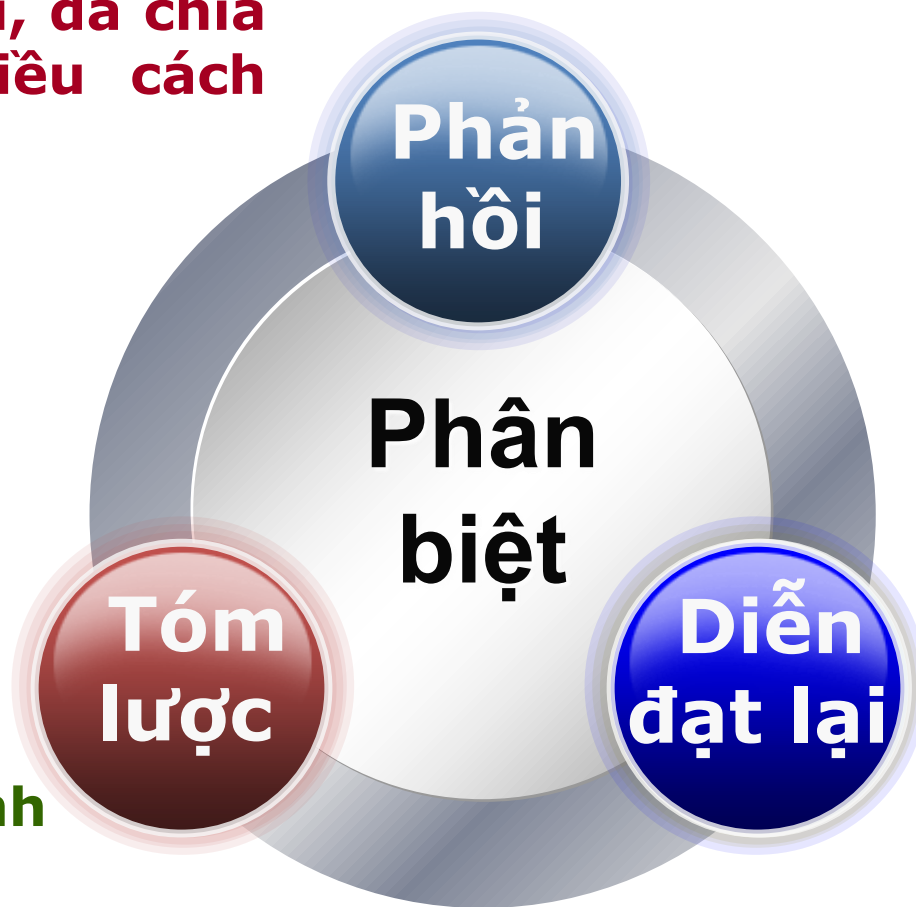
b2. Tóm lược và diễn đạt lại



Có thể sử dụng riêng lẻ hoặc kết hợp

**Thể hiện là mình đã
nghe, đã hiểu, đã chia
sẻ, bằng nhiều cách
khác nhau**

**Nhấn mạnh
thông tin chính**



**Chính xác hóa
thông tin qua
ngôn ngữ**

b3. Sử dụng phương tiện phi ngôn ngữ





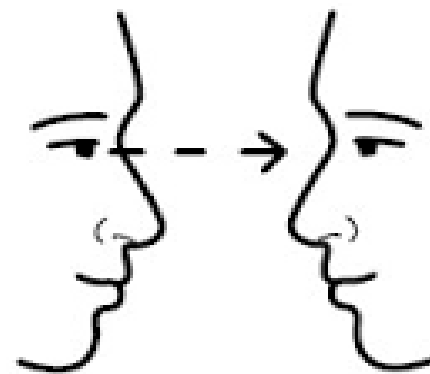
b3.1.Tiếp xúc bằng ánh mắt

- Nhìn vào mắt học sinh (không nhìn liên tục và cũng không liên tục tránh ánh mắt của học sinh);

- Nếu nhận thấy học sinh không thoải mái khi nhìn vào mắt, giáo viên có thể nhìn xuống một chút nhưng vẫn phải thể hiện sự chú ý lắng nghe;

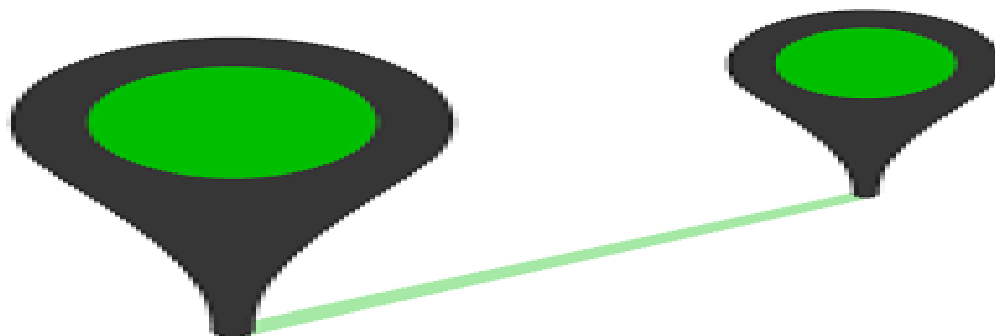
- Lưu ý về giới tính, văn hoá khi tiếp xúc bằng ánh mắt với học sinh;

- Trao đổi với học sinh trong khi nghe để tạo sự thoải mái.





- Ngồi thẳng, đầu hơi hướng về phía học sinh;
- Ngả nhẹ người ra phía sau ghế (không ngồi tựa sát vào ghế);
- Hai tay để trên bàn, hoặc nắm khế vào nhau, có thể cử động với tốc độ vừa phải.









b3.3. Va chạm

- Có thể nắm tay, vỗ nhẹ vai học sinh nhưng cần chú ý phản ứng của học sinh (do giới tính, độ tuổi...)

(Lưu ý: Đôi khi va chạm - có thể coi như là biểu hiện của sự thiếu tôn trọng, kích thích những hành vi không mong đợi).





b3.4. Biểu cảm của khuôn mặt

- Mặt hướng về phía HS;
- Thể hiện linh hoạt các sắc thái biểu cảm;
- Thống nhất giữa xúc cảm, tình cảm với sự biểu cảm thể hiện ra bên ngoài.





KHÔNG NÊN

1- Khoanh tay, ngáp, tỏ ra thờ ơ, làm việc riêng, sao nhãng...

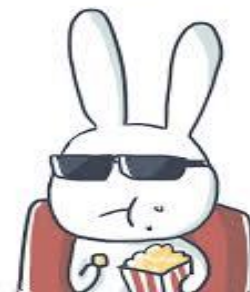
2- Đưa ra quá nhiều lời rao giảng đạo đức.

3- Khiển trách, ngắt lời, phán xét, đổ lỗi, hạ thấp, đe dọa.

4- Thể hiện sự thương cảm hoặc đồng tình một cách thái quá.

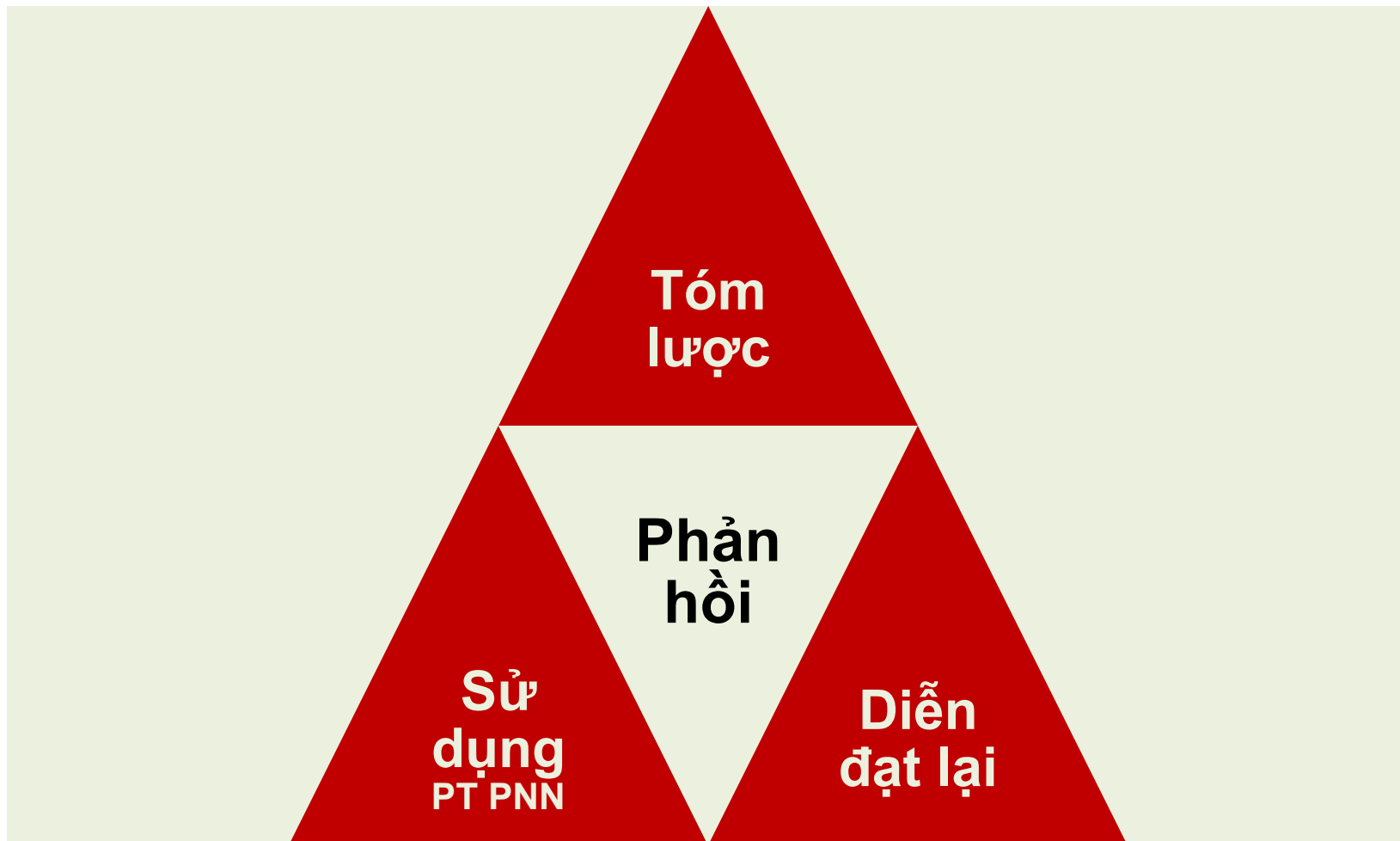


KHÔNG QUAN TÂM



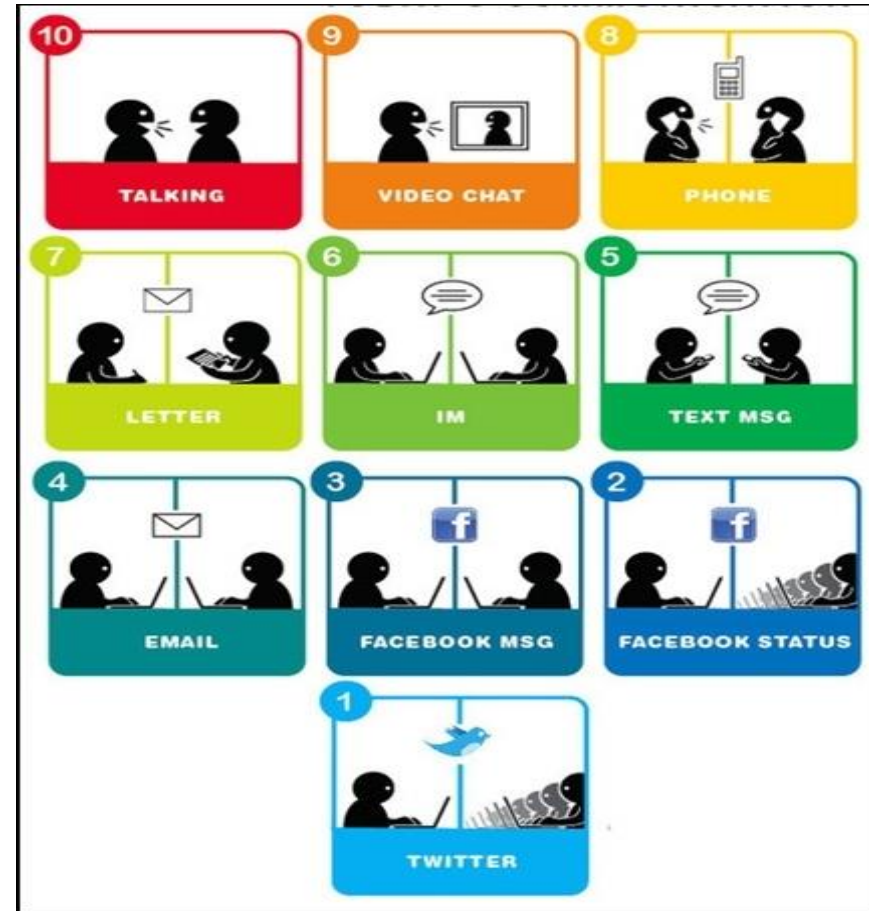
Page

LẮNG NGHE TÍCH CỰC



3.3. Kỹ năng sử dụng các phương tiện giao tiếp sư phạm

Khái niệm: là khả năng sử dụng ngôn ngữ và các phương tiện phi ngôn ngữ của giáo viên phù hợp với từng đối tượng học sinh và tình huống giao tiếp nhằm đạt được mục đích của quá trình giao tiếp sư phạm.



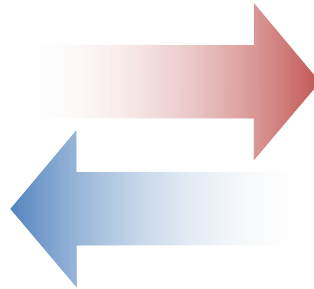
a. Sử dụng ngôn ngữ trong GTSP

NGÔN NGỮ NÓI

Là dạng ngôn ngữ bên ngoài, tồn tại dưới dạng vật chất là âm thanh, được tiếp nhận bằng cơ quan phân tích thính giác (đôi tai, độc thoại).

NGÔN NGỮ VIẾT

Là dạng ngôn ngữ bên ngoài, tồn tại dưới dạng vật chất là hình ảnh (kí hiệu chữ viết), được tiếp nhận bằng cơ quan phân tích thị giác.



Yêu cầu sử dụng ngôn ngữ trong GTSP

NGÔN NGỮ' NÓI

1. Nói rõ ràng, chính xác, đúng chính tả, ngữ pháp, có sự liên kết chặt chẽ giữa các câu và phù hợp với ngữ cảnh.

2. Hạn chế tối đa việc phát âm lệch chuẩn, nói những thuật ngữ riêng, gây khó hiểu.

3. Giảm dị về nội dung và hình thức.

NGÔN NGỮ' VIẾT

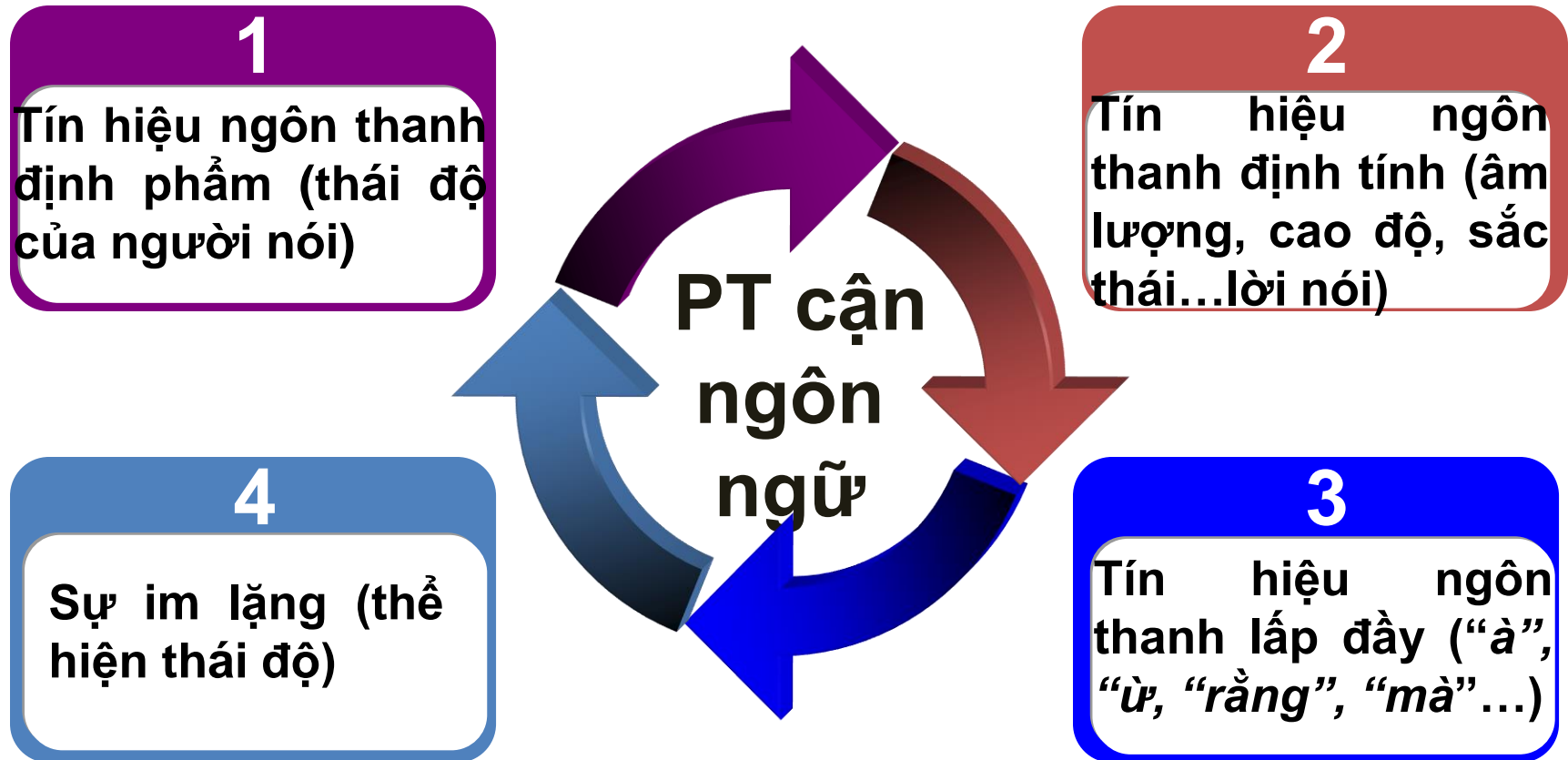
1. Đảm bảo chuẩn xác về chính tả, ngữ pháp.

2. Thận trọng trong việc dùng từ. Văn phong mạch lạc, trong sáng, rõ nghĩa.

3. Chữ viết rõ ràng, sạch sẽ, dễ đọc.

4. Khi trình bày theo dàn ý, cần đảm bảo đề mục, thứ tự đề mục để HS dễ theo dõi.

b. Sử dụng PT cận ngôn ngữ



Yêu cầu sử dụng PT cận ngôn ngữ

Đủ nghe, không nên
quá to hoặc quá nhỏ

Chủ động điều
chỉnh sao cho
phù hợp



Vừa phải, không
quá nhanh hoặc
quá chậm

c. Sử dụng PT ngoại ngôn ngữ



Yêu cầu sử dụng PT ngoại ngôn ngữ



3.4. Kỹ năng kiểm soát cảm xúc



Là khả năng làm chủ cảm xúc, biết điều khiển, điều chỉnh cảm xúc của bản thân cho phù hợp với đối tượng và hoàn cảnh giao tiếp.

3.4.1. TỨC GIẬN LÀ GÌ?

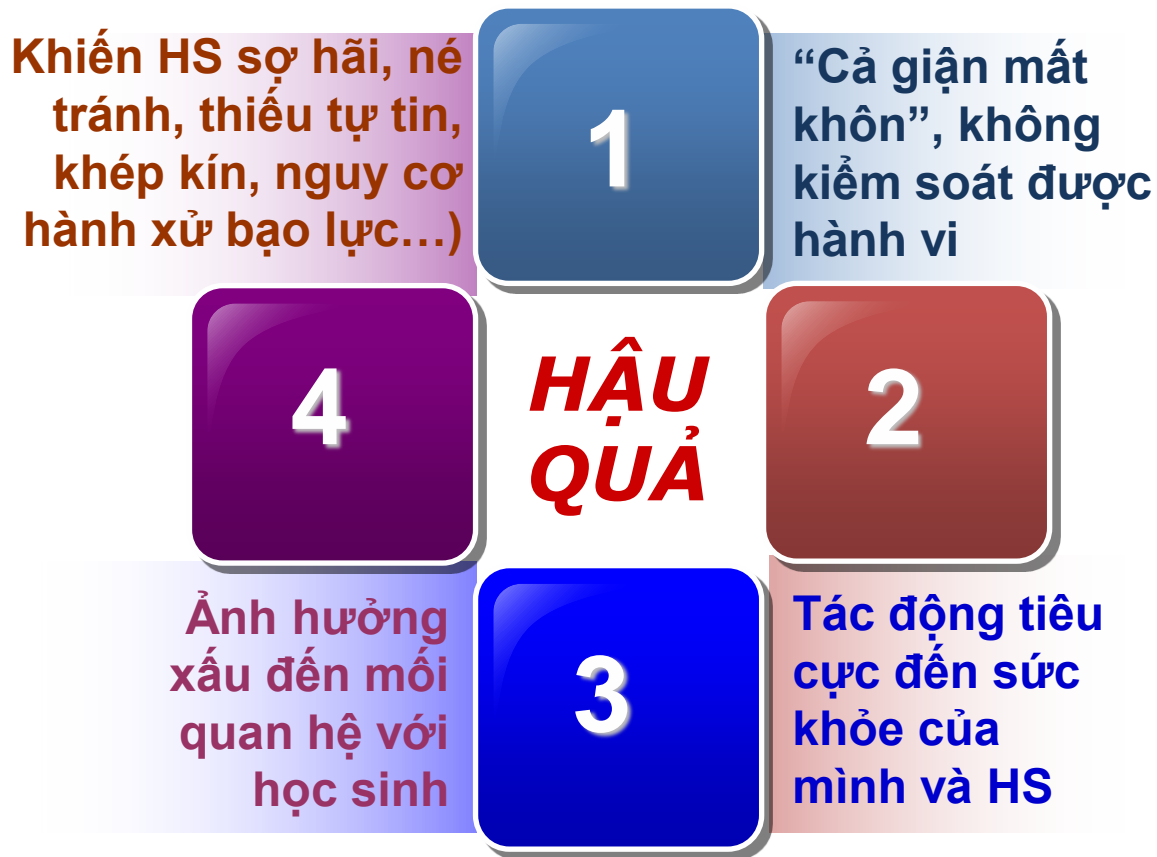
Là một dạng xúc cảm, trong đó, cá nhân cảm thấy không hài lòng ở mức cao, làm xuất hiện những phản ứng (thái độ, lời nói, hành động...) một cách gay gắt.



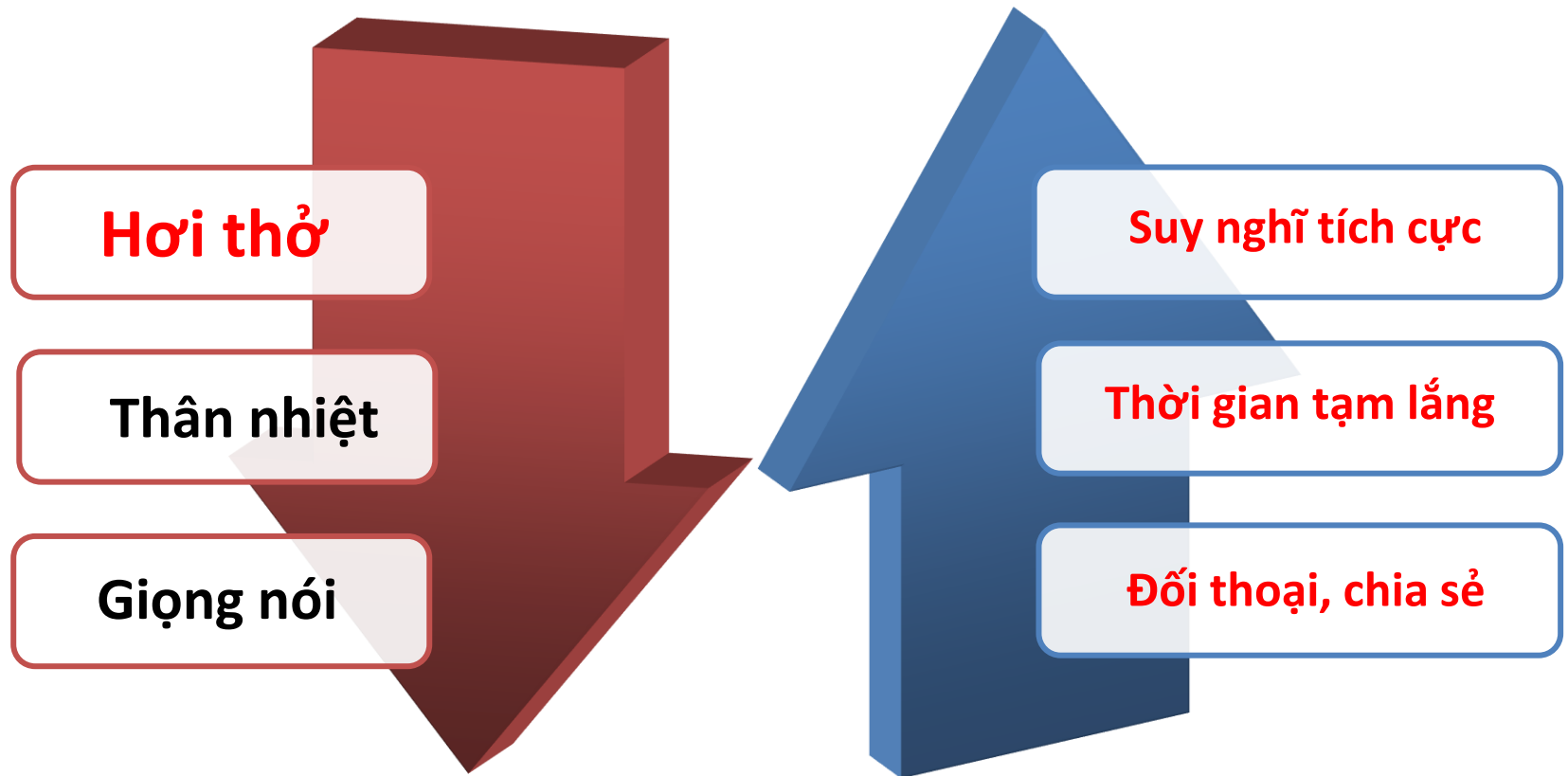
3.4.2. Các biểu hiện khi tức giận

Suy nghĩ	P/ứng cơ thể
<ul style="list-style-type: none">▪ Mình đang bị đe dọa hoặc bị tổn thương▪ Nội qui/nề nếp bị phá vỡ▪ Mình bị đối xử bất công▪ ...	<ul style="list-style-type: none">▪ Cứng cơ, khó cử động▪ Huyết áp tăng▪ Nhịp tim tăng▪ ...
Hành vi	Cảm xúc
<ul style="list-style-type: none">▪ Phòng ngự, bảo vệ, chống lại▪ Tấn công, tranh cãi▪ Rút lui (tự trừng phạt, làm đau đớn hoặc bảo vệ)▪ ...	<ul style="list-style-type: none">▪ Bức bối, khó chịu▪ ‘Cáu tiết’, ‘nóng mặt’▪ Nổi khùng/nổi đóa▪ ...

3.4.3. Hậu quả của tức giận

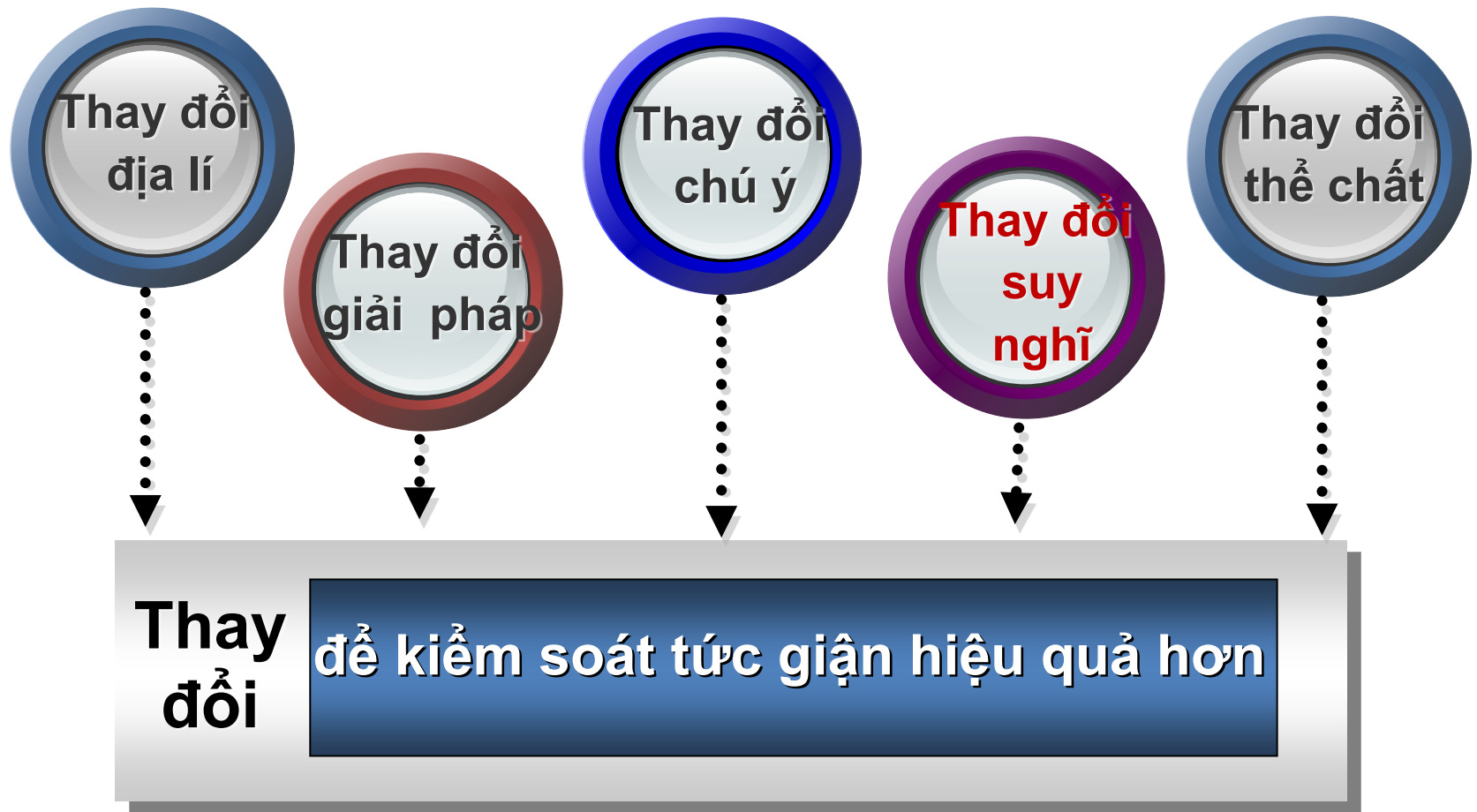


Một số kĩ thuật kiểm soát sự tức giận

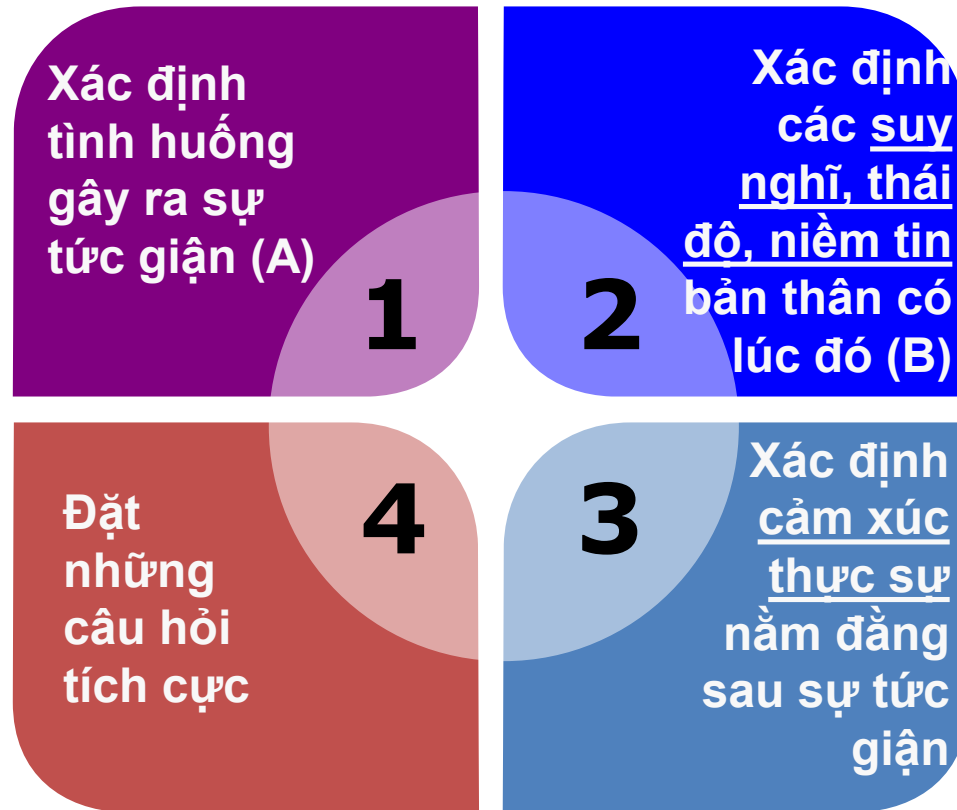


Suy nghĩ kĩ trước khi nói và hành động

Một số chiến lược kiểm soát tức giận



3.4.4. Nguyên lí kiểm soát tức giận



Thay đổi suy nghĩ (nhận thức)



“Người khác thường xử lí như thế nào mà không bị tức giận trong những tình huống kiểu này?”

“Bất chấp hậu quả của vấn đề, mình có thể trưởng thành từ tình huống này như thế nào?”

“Trong vòng 6 tháng nữa, mình sẽ nhìn nhận tình huống này như thế nào?”

3.5. KỸ NĂNG THUYẾT PHỤC

a. Khái niệm: là khả năng sử dụng các phương tiện giao tiếp để khiến người nghe hiểu, tin và làm theo vấn đề mà người nói đưa ra.

→ là khả năng làm cho người khác hiểu, tin và làm theo lời mình nói.



b. Điều kiện để thuyết phục

+ Tạo ra sự đồng điệu về suy nghĩ, cảm nhận giữa người nói và người nghe.

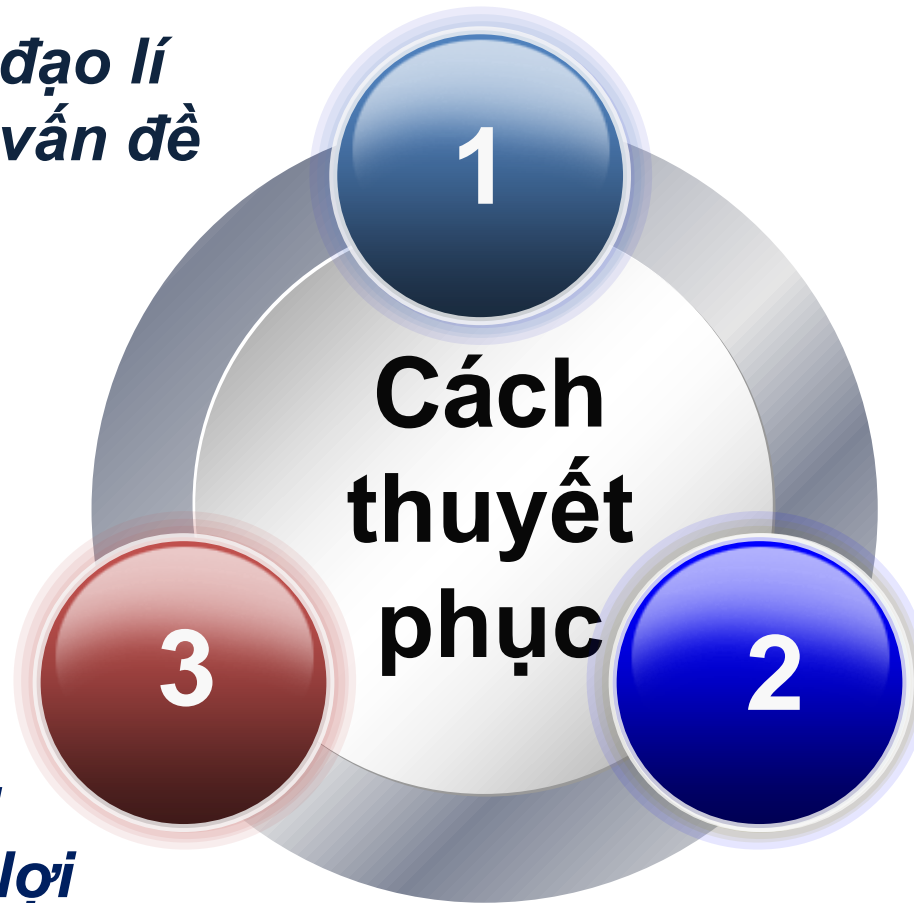
+ Thông tin khách quan, chính xác, có giá trị, được giải thích một cách rõ ràng, có cơ sở, hợp lý, hợp tình, có dẫn chứng cụ thể để có thể chứng minh bằng các ví dụ có trong thực tiễn đời sống, phải được xã hội thừa nhận.

+ Quan sát thái độ, cử chỉ, hành vi của đối tượng giao tiếp để tiếp tục thuyết phục hay tạm thời dừng lại...



c. Một số cách thuyết phục

*Dùng lí lẽ và đạo lí
để phân tích vấn đề*



*Tác động vào
tình cảm*

*Đưa ra những
thuận lợi, bất lợi*

3.6. Kỹ năng điều khiển, điều chỉnh quá trình giao tiếp



a. Khái niệm

Là năng lực vận dụng tri thức, kinh nghiệm g.tiếp phù hợp để nhận biết đúng các yếu tố của quá trình g.tiếp đang diễn ra, từ đó có tác động để điều khiển, điều chỉnh bản thân/ đối tượng g.tiếp nhằm đạt được mục đích GTSP.

b. Biểu hiện

*** Đ.khiển, điều chỉnh bản thân**

- Nắm rõ mục đích GT; biết hướng hành vi, lời nói của mình theo nội dung và mục đích GT.
- Biết nêu ra chủ đề GT; dẫn dắt, duy trì hoặc thay đổi nội dung GT, kiểm soát được tốc độ GT; có thể chủ động kết thúc GT khi cần thiết.
- Biết sử dụng các phương tiện GT để thiết lập, duy trì cuộc GT.
- Nhận biết và điều chỉnh được các diễn biến tâm lý, cảm xúc của bản thân một cách phù hợp.

•Điều khiển, điều chỉnh đ.tượng GT

- **Biết thu hút đối tượng GT vào nội dung GT.**
- **Biết dẫn dắt đối tượng GT theo mục đích GT.**
- **Biết thúc đẩy, kìm hãm hoặc chuyển hướng quá trình GT.**
- **Biết tạo ra các xúc cảm tích cực cho đối tượng GT.**
- **Biết cách tranh thủ sự ủng hộ của họ, có khả năng thuyết phục họ;**
- **Biết cách chia sẻ, an ủi, thể hiện sự đồng cảm hoặc các thái độ khác phù hợp với đối tượng, hoàn cảnh GT...**

c. Điều kiện thực hiện

- Hiểu rõ mục đích giao tiếp, dự kiến một số phương án điều khiển, điều chỉnh khác nhau trước khi giao tiếp.

- Nắm vững các nguyên tắc GTSP.

- Xác định thái độ phù hợp với đối tượng giao tiếp, chuẩn bị tâm thế tích cực cho quá trình giao tiếp.

- Phác họa được chân dung tâm lý của đối tượng giao tiếp (tên, tuổi, nghề nghiệp, tính cách, sở thích...), nắm bắt được diễn biến tâm lý của họ.

- Nhận biết được diễn biến của quá trình giao tiếp và việc thực hiện mục đích trong quá trình giao tiếp.

- Uyển chuyển, linh hoạt trong việc sử dụng kết hợp các kỹ năng GTSP khác nhau để thực hiện mục đích của quá trình GT.

CHƯƠNG 4

ỨNG XỬ SỰ PHẠM

NỘI DUNG CHÍNH

1

- Ứng xử sự phạm

2

- Tình huống giao tiếp sự phạm

3

- Phương tiện xử lý các tình huống GTSP

4

- Quy trình xử lý các tình huống GTSP

5

- Một số nguyên nhân dẫn đến khó khăn trong GTSP

1. ỨNG XỬ SỰ PHẠM

- **Khái niệm:** Là một dạng giao tiếp giữa giáo viên và học sinh nhằm giải quyết các tình huống nảy sinh trong hoạt động dạy học và giáo dục.

1. ỨNG XỬ SỰ PHẠM

- **Phân biệt** giao tiếp sự phạm (GTSP) & ứng xử sự phạm (UXSP):

+ Giống nhau:

- ✍ Nhằm đạt được mục đích giao tiếp cụ thể.
- ✍ Sử dụng các phương tiện giao tiếp (ngôn ngữ, phi ngôn ngữ) để thực hiện.
- ✍ Diễn ra trong không gian, thời gian xác định.
- ✍ UXSP diễn ra trên nền của GTSP.

Phân biệt GTSP & UXSP

+ Khác nhau:

✎ UXSP thể hiện thái độ của cá nhân và các nghệ thuật biểu hiện thái độ đó (qua lời nói, cử chỉ, điệu bộ, nét mặt...) rõ hơn GTSP.

✎ GTSP chủ yếu hướng vào những mục tiêu định trước còn UXSP chủ yếu hướng vào việc giải quyết những tình huống nảy sinh trong quá trình GTSP sao cho hiệu quả.

2. Tình huống giao tiếp sư phạm

- Là những hiện tượng, hoàn cảnh giao tiếp xuất hiện trong quá trình dạy học và giáo dục, chứa đựng trong nó những mâu thuẫn và những vấn đề cần phải giải quyết.

- Việc xử lý các tình huống GTSP có vai trò như là một quá trình giáo dục.

3. Phương tiện xử lý tình huống GTSP



4. Quy trình xử lý tình huống GTSP

1

- Nhận biết đối tượng ứng xử

2

- Dự kiến các phương án xử lý có thể thực hiện được

3

- Sàng lọc thông tin ứng xử

4

- Quyết định lựa chọn 1 phương án đã dự kiến để xử lý

5

- Thực hiện kỹ năng GTSP cụ thể để xử lý tình huống

5. Nguyên nhân dẫn đến những khó khăn (thất bại) trong ứng xử sư phạm

Sự thiếu hụt kinh nghiệm giáo dục của người giáo viên

Sự làm dụng quyền uy của người giáo viên

Định kiến của giáo viên đối với học sinh

Sự rụt rè, mặc cảm của học sinh

Sự yếu kém của tập thể lớp

THỰC HÀNH

Vận dụng những kiến thức đã được trang bị và kinh nghiệm của bản thân về GTSP để thực hành xử lý các tình huống GTSP trong thực tế dạy học và giáo dục.

NỘI DUNG ÔN TẬP

- 1. Khái niệm giao tiếp sư phạm*
- 2. Các đặc trưng của giao tiếp sư phạm*
- 3. Các nguyên tắc giao tiếp sư phạm*
- 4. Xử lý tình huống giao tiếp sư phạm*